TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2017
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Tường Vy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Viết Ân;
2. Ông Nguyễn Minh Hiếu Trung.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trực – Thư ký Tòa án.
- Đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa**:** Bà Lê Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số: 91/2017/TLST–HNGĐ ngày 31/3/2017 về việc: "*Ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Thế Ngọc B - Sinh năm: 1979.
HKTT: 283/19/25 đường N, P. 13, Q. B, TP. Hồ Chí Minh. *(Có mặt)*
2. Bị đơn: bà Phan Thị T, sinh năm: 1988
HKTT: ấp 61, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn ly hôn, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Thế Ngọc B trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: vào năm 2010, ông và bà T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S. Quá trình chung sống vợ chồng cũng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cũng thường hay cãi vã nhau và sống không hạnh phúc. Từ tháng 6/2015, bà T bỏ nhà đi mà không nói với ông lý do, ông cũng đã về nhà mẹ ruột bà T để tìm kiếm nhưng bà T tránh mặt ông, còn gia đình nhà vợ thì cố tình che giấu không cho ông gặp mặt bà T. Vợ chồng ông đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay vì vợ chồng không còn chung sống đã lâu nên tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy ông yêu cầu được ly hôn với bà T.
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Đối với bị đơn là bà Phan Thị T: vì bà T cố tình vắng mặt trong các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập nên không có lời trình bày của bà.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa: Việc thu lý, thu thập chứng cứ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên trong hồ sơ giao cho VKS chưa thể hiện việc tống

đạt kết quả phiên họp công khai chứng cứ. Quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: cho ông B ly hôn với bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông B và bà T tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên ông B yêu cầu được ly hôn với bà T. Như vậy, đây là vụ án về "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Theo biên bản xác minh ngày 13/7/2017 tại công an xã S (BL 23) thì bà Phan Thị T có HKTT tại ấp 61, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà Phan Thị T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà T là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: ông B và bà T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND xã S cấp giấy chứng nhận kết hôn số 97/2010, quyển số 01/2010, cấp ngày 30/12/2010, vì vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo ông B quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và sống không hạnh phúc.Từ tháng 6/2015 đến nay ông và bà T không còn sống chung với nhau nữa. Nên ông yêu cầu ly hôn với bà T.

Mặc dù, không có lời trình bày bà T nhưng theo biên bản xác minh của Tòa án ngày 13/7/2017 (BL 22) gặp bà Nguyễn Thị L là mẹ ruột của bà Phan Thị T. Bà L cho biết, bà có nhận văn bản tố tụng của Tòa án và có thông báo cho bà T biết còn nguyên nhân bà T không ra Tòa án làm việc thì bà không biết. Tòa án triệu tập bà T nhiều lần, do bà L là mẹ ruột bà T cam kết giao nhưng bà T cố tình vắng mặt cho thấy bà T không muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Theo ông B trình bày thì vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2015 cho đến nay. Mà theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, tôn trọng nhau … và có nghĩa vụ sống chung với nhau. Như vậy, việc ông bà không còn chung sống với nhau đã làm cho hôn nhân giữa 2 người lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là không đạt được. Vậy nên, xét yêu cầu ly hôn của ông B là có cơ sở nên chấp nhận.

- Về con chung: ông B khai không có; còn tài sản chung, nợ chung: không có ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: ông Nguyên Thế Ngọc B nộp 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn.

* Lời phát biểu của VKSND huyện Cẩm Mỹ đối với việc giao kết quả phiên họp công khai chứng cứ thì do khi giao hồ sơ cho VKS thì Thừa Phát Lại vẫn chưa giao lại Biên bản tống đạt văn bản trên cho Tòa án nên khi giao hồ sơ cho VKS chưa có. Còn các quan điểm khác của VKS là phù hợp với quy định pháp luật, cũng như quan điểm của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 266 của Bộ luật TTDS;

Các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 57 của Luật HNGĐ năm 2014;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Thế Ngọc B.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho ông Nguyễn Thế Ngọc B ly hôn với bà Phan Thị T.
- Về con chung: không xem xét.
- Về tài sản chung, nợ chung: không có ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2/ Về án phí: ông Nguyễn Thế Ngọc B nộp 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông B đã nộp tại biên lai thu tiền số 003966 ngày 31/03/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Ông B đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện CM;
- Thi hành án DS huyện CM;
- UBND xã S (số 97/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Tường Vy